

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2020/DS-PT**

Ngày 19 - 3 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Tuyết.

Ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLPT-DS ngày 02/01/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 31/10/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2020/QĐ-PT ngày 25/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q; trụ sở: Thôn H, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Q1, chức vụ: Giám đốc; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T; trú tại: Đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2017); Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Bảo hiểm A; địa chỉ: Đường E, quận F, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoài A1, chức vụ: Tổng Giám đốc; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T1 – Trưởng phòng Giám định bồi thường thuộc Công ty Bảo hiểm S; địa chỉ: Đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020); Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Quang P; địa chỉ: Đường M, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017, đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2019 và quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q là ông Lê Quang T trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q (Viết tắt là Công ty Q) là chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển số 48C-036.47, loại xe ô tô tải (PICKUP ca bin kép), nhãn hiệu Ford, số loại RANGER WILDTRACK IXBW9G40001, sản xuất năm 2016, đã được Công an tỉnh V cấp giấy chứng nhận số 004067. Công ty Q đã tiến hành đăng kiểm và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật theo quy định pháp luật. Sau khi sử dụng được một thời gian thì lốp xe bị mòn nên Công ty Q thay đổi lốp xe có kích cỡ khác so với loại lốp xe tại thời điểm kiểm định, cụ thể: Thay đổi lốp nguyên bản từ cỡ lốp/trục 265/60R18 thành loại lốp nhãn hiệu Thunderer cỡ lốp/trục là 275/70R18. Do chưa hết thời gian kiểm định nên Công ty Q không đưa xe đi kiểm định lại.

Đến ngày 26/7/2017, Công ty Q đã mua bảo hiểm vật chất xe cơ giới tại Tổng Công ty Bảo hiểm A (Viết tắt là A) có công ty con là Công ty Bảo hiểm S (Viết tắt là S). Tại thời điểm làm thủ tục tham gia bảo hiểm, S đã yêu cầu giao nộp các giấy tờ liên quan đến chiếc xe và tiến hành kiểm tra, chụp hình chiếc xe. Vì chiếc xe Công ty Q đang thế chấp tại Ngân hàng D Chi nhánh Đắk Lắk nên trong cùng ngày 26/7/2017, giữa S cùng Công ty Q và Ngân hàng D Chi nhánh Đắk Lắk đã ký biên bản thỏa thuận liên quan đến việc thụ hưởng số tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm (Việc vay vốn và sử dụng xe ô tô biển số 48C-036.47 để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng D Chi nhánh Đắk Lắk đã được thanh toán xong. Hiện chiếc xe không còn được sử dụng để đảm bảo cho bất cứ khoản vay nào khác). Sau khi thực hiện xong các thủ tục cần thiết, Công ty Q đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 050006166/17 ngày 26/7/2017. Thời điểm này, chiếc xe vẫn đang sử dụng chiếc lốp xe đã bị thay thế có nhãn hiệu Thunderer, cỡ lốp/trục là 275/70R18. Đồng thời, do không được tư vấn và giải thích kỹ đối với các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên Công ty Q không biết để sử dụng lốp xe cho phù hợp.

Ngày 02/10/2017, trong quá trình lưu thông, anh Nguyễn Chí C1 là người do Công ty Q thuê điều khiển xe đi công tác thì xảy ra tai nạn tại Quốc lộ 28, thôn Đ, xã R, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nguyên nhân do không chú ý quan sát, xe bị

mất lái và đã được Công an huyện K lập biên bản giải quyết. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, Công ty Q đã báo và làm hồ sơ đề nghị A giải quyết.

Ngày 31/10/2017, A đã gửi cho Công ty Q Công văn số 2856/CV-GĐBT về việc từ chối chi trả tiền bảo hiểm tổn thất xe với lý do lốp xe tại thời điểm xảy ra tai nạn không đúng với loại lốp xe được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định số KC 0401595.

Công ty Q không đồng ý với ý kiến của A. Vì: Tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm, chiếc xe đã được thay đổi loại lốp xe. S đã tiến hành kiểm tra hiện trạng xe và chụp hình nhưng không thông báo cho Công ty Q về việc sử dụng không đúng cỡ lốp xe dẫn đến Giấy đăng kiểm hết hiệu lực, không đủ điều kiện tham gia bảo hiểm. Công ty Q không phải là doanh nghiệp có chuyên môn sâu cũng như nắm vững hết các quy định của pháp luật về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Nhưng S là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chuyên nghiệp nên phải biết các quy định cụ thể của pháp luật đối với từng loại hình bảo hiểm mà mình kinh doanh. Do vậy, S phải có nghĩa vụ giải thích các quy tắc bảo hiểm trong đó có các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thông báo từ chối giao kết hợp đồng với khách hàng khi không đủ điều kiện tham gia bảo hiểm. Tuy nhiên, S vẫn giao kết hợp đồng, thu tiền của khách hàng rồi từ chối bảo hiểm. Việc từ chối chi trả số tiền bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Q. Mặt khác, đối với vi phạm của Công ty Q trong việc thay đổi thông số kỹ thuật của lốp xe là lỗi vô ý thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Vì vậy, Công ty Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Q số tiền 232.292.269 đồng đối với tổn thất của xe ô tô 48C-036.47 trong vụ tai nạn xảy ra ngày 02/10/2017. Ngày 18/6/2019, Công ty Q có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 82.779.448 đồng, chỉ yêu cầu A phải thanh toán số tiền 149.512.781 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của bị đơn Tổng Công ty bảo hiểm A trình bày:

Ngày 26/7/2017, S đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 050006166/17 cho xe ô tô Biển số 48C – 036.47 của Công ty Q theo Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 0998/QĐ-PHH ngày 23/4/2015 của Tổng giám đốc Tổng Công ty bảo hiểm A (Viết tắt là Quy tắc bảo hiểm) với thời hạn bảo hiểm từ ngày 26/7/2017 đến ngày 26/7/2018.

Theo thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường ngày 03/10/2017 của người được bảo hiểm, vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, lái xe Nguyễn Chí C1 điều khiển xe ô tô biển số 48C-036.47 lưu thông theo hướng từ xã R, huyện K,

tỉnh Đắk Nông đi thị trấn M1, huyện K, tỉnh Đắk Nông, do mất tay lái đã để xe ô tô đâm thẳng vào bờ tường xi măng bên đường. Hậu quả xe ô tô bị thiệt hại nặng.

Quá trình tiếp nhận thông báo tổn thất, ngày 16/10/2017 S tiến hành kiểm tra hiện trạng xe ô tô 48C – 036.47 và lập biên bản giữa S với đại diện Công ty Q. Theo đó, khi xảy ra tai nạn, thông số kỹ thuật thực tế của lớp xe ô tô trên được ghi nhận cụ thể: 04 lớp xe nhãn hiệu Thunderer; Thông số lớp: LT 275/70R18.

Đối chiếu thông số kỹ thuật của lớp xe trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số KC 040 1595 do Công ty Cổ phần đăng kiểm V cấp ngày 04/7/2016 dành cho xe ô tô biển số 48C – 036.47 thì nhận thấy có sự sai khác về mặt thông số.

Qua kiểm tra, đối chiếu với các quy định cụ thể là điểm đ khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 về hiệu lực Giấy chứng nhận kiểm định; khoản 2 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe của A, A nhận thấy Giấy chứng nhận đăng kiểm số KC 0401595 đã bị hết hiệu lực và tổn thất xảy ra đối với xe ô tô 48C – 036.47 xảy ra ngày 03/10/2017 đã không thuộc phạm vi được bảo hiểm. Do vậy, A đã ra thông báo từ chối bảo hiểm và gửi đến Công ty Q.

Về quy trình cấp bảo hiểm cho khách hàng đối với loại hình bảo hiểm vật chất xe cơ giới: Trước hết người yêu cầu cấp bảo hiểm phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe, mang xe đến đơn vị bảo hiểm để kiểm tra hiện trạng xe có bị tổn thất gì hay không, trên cơ sở hiện trạng xe nhân viên bảo hiểm cho người yêu cầu bảo hiểm kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm, kê khai đầy đủ, đúng tình trạng xe và các thủ tục liên quan. Nếu người yêu cầu cấp bảo hiểm chưa nắm rõ các quy định thì sẽ tư vấn cụ thể thêm. Đối với việc chụp hình và kiểm tra chiếc xe tại thời điểm cấp bảo hiểm chỉ mang mục đích xác định đối tượng bảo hiểm là có thật và không có sẵn tổn thất chứ không kiểm tra các thông số kỹ thuật của xe để xác định Giấy chứng nhận kiểm định an toàn của xe còn hiệu lực hay không. Các chủ phương tiện khi tham gia giao thông phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ. Do vậy, đối với nội dung khởi kiện của Công ty Q yêu cầu A chi trả số tiền bảo hiểm tương ứng với thiệt hại đã xảy ra là 149.512.781 đồng thì A không đồng ý.

Người làm chứng ông Nguyễn Quang P trình bày: Ông P là nhân viên làm việc cho S từ năm 2015 đến nay. Ngày 26/7/2017, ông có nhận được yêu cầu cấp bảo hiểm cho xe ô tô biển số 48C-036.47 của Công ty Q. Khi nhận đơn yêu cầu, quy trình cấp bảo hiểm được thực hiện như sau: Yêu cầu người mua bảo hiểm cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe và mang xe đến tại S để kiểm tra, đánh giá xem đối tượng bảo hiểm có thật hay không, có bị tổn thất gì trước khi tham gia bảo hiểm không, chụp hình ảnh liên quan đến xe, thỏa thuận mức phí tham gia bảo hiểm và các điều khoản bảo hiểm. Khi thấy đủ điều kiện thì lập hồ sơ cấp bảo hiểm. Hồ sơ

cấp bảo hiểm gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe, đơn yêu cầu, biên bản kiểm tra xe, 04 hình ảnh chụp trước, sau và hai bên hông xe, Giấy nộp tiền phí Bảo hiểm, tờ trình và Giấy chứng nhận bảo hiểm. Đối với việc cấp bảo hiểm cho Công ty Q cũng được thực hiện như trên. Tại thời điểm cấp bảo hiểm, theo quy trình của A thì không yêu cầu phải thu thập Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Khi xảy ra tai nạn thì mới yêu cầu cung cấp. Việc chụp hình và kiểm tra xe tại thời điểm cấp bảo hiểm không bao gồm việc kiểm tra các thông số kỹ thuật xe và giấy chứng nhận kiểm định có hợp lệ hay không.

Đối với việc giải thích, tư vấn về các điều khoản bảo hiểm: Khi cấp bảo hiểm đã cung cấp cho Công ty Q bản Quy tắc bảo hiểm của A và có giải thích các quy định liên quan đến quy tắc bảo hiểm. Về phần thay đổi các thông số kỹ thuật của xe, cụ thể là lớp xe thì do không có chức năng kiểm tra các thông số kỹ thuật của xe nên không thể giải thích quy định liên quan đến việc thay đổi thông số kỹ thuật xe mà không đăng kiểm lại dẫn đến Giấy chứng nhận kiểm định hết hiệu lực và thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Tuy nhiên, ông P có nhắc nhở chung về việc khi sử dụng phương tiện phải đảm bảo các quy tắc an toàn giao thông của Luật Giao thông đường bộ. Phía Công ty Q khi đọc các quy tắc cũng không có thắc mắc gì nên không tiến hành giải thích, tư vấn cụ thể.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 31/10/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 17; Điều 18; khoản 1 Điều 19 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q.

Buộc Tổng Công ty Bảo hiểm A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q số tiền 74.756.000 đồng.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q đối với số tiền 74.756.781 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q đối với số tiền 82.779.448 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Tổng Công ty Bảo hiểm A phải chịu 3.737.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q phải chịu 3.737.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.807.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004885 ngày 21/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q 2.069.200 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/11/2019, bị đơn A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 31/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm. Ngày 12/11/2019, bị đơn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy: Công ty Q là chủ sở hữu chiếc xe ô tô tải, biển kiểm soát 48C-036.47, hiệu Ford, số loại RANGER WILDTRACK IXBW9G40001, giấy chứng nhận số 004067 do Công an tỉnh V cấp, giấy chứng nhận kiểm định số 0401595, hiệu lực đến hết ngày 03/7/2018, trong đó, thông số kỹ thuật về số lượng lốp, cỡ lốp/trục: 1: 2; 265/60R18; 2: 2; 265/60R18. Quá trình sử dụng chiếc xe do lốp bị mài mòn nên Công ty Q đã thay lốp có thông số kỹ thuật khác so với lốp tại thời điểm đăng kiểm. Ngày 26/7/2017,

Công ty Q mua bảo hiểm vật chất xe cơ giới đối với chiếc xe trên tại S. Tại thời điểm thực hiện giao dịch, S đã yêu cầu Công ty Q giao nộp các giấy tờ liên quan đến chiếc xe, yêu cầu Công ty Q đưa chiếc xe đến trụ sở S kiểm tra, chụp hình nguyên trạng chiếc xe (trong đó có lốp xe) lưu hồ sơ, yêu cầu Công ty Q cam kết, kê khai đầy đủ, chính xác đúng sự thật các thông tin được liệt kê trong Giấy yêu cầu bảo hiểm xe cơ giới (Bút lục 81). Sau khi Công ty Q đóng đủ phí bảo hiểm, S cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 050006166/17 ngày 26/7/2017 cho Công ty Q, thời hạn bảo hiểm từ 16 giờ ngày 26/07/2017 đến 16 giờ ngày 26/7/2018. Như vậy, có căn cứ xác định các bên tự nguyện giao kết hợp đồng và tuân thủ đúng hình thức, nội dung của hợp đồng được quy định tại các Điều 12; Điều 13 và Điều 14 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010. Do đó, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Ngày 02/10/2017, chiếc xe xảy ra tai nạn. Tại bản trưng cầu kết luận điều tra tai nạn giao thông kết luận nguyên nhân tai nạn do Tài xế không chú ý quan sát (Bút lục 112). Tại hợp đồng sửa chữa số 0613-17/HĐSC-DV ngày 12/12/2017 của Công ty ô tô N1, báo giá chi phí sửa chữa 147.771.288 đồng (Bút lục 182a), Công ty Q yêu cầu A phải chi trả số tiền 147.771.288 đồng. Thấy rằng: Sau khi S yêu cầu Công ty Q kê khai đầy đủ các thông tin tại giấy yêu cầu cấp bảo hiểm xe do S phát hành (Bút lục 81), S yêu cầu Công ty Q đưa xe đến trụ sở của S kiểm tra, chụp ảnh và đồng ý cấp giấy chứng nhận bảo hiểm. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn thừa nhận trước khi cấp giấy chứng nhận bảo hiểm chiếc xe cho Công ty Q, S không yêu cầu Công ty Q cung cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật của chiếc xe, nhân viên tư vấn không có chuyên môn kiểm tra các thông số kỹ thuật của chiếc xe là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Quang P (nhân viên tư vấn bảo hiểm). Do đó, có căn cứ xác định tại thời điểm thực hiện giao dịch và cấp giấy chứng nhận bảo hiểm, S không thực hiện đúng nghĩa vụ của người kinh doanh bảo hiểm về giải thích điều khoản của hợp đồng bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định tại các Điều 16 và Điều 17 của Luật kinh doanh bảo hiểm và những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe cơ giới do A ban hành. Đáng lẽ, trước khi cấp chứng nhận bảo hiểm chiếc xe cho Công ty Q, S phải có trách nhiệm thẩm tra, xác minh và có quyền từ chối không cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho Công ty Q khi các thông số kỹ thuật tại thời điểm Công ty Q yêu cầu cấp bảo hiểm khác so với các thông số kỹ thuật được xác định trong giấy chứng nhận đăng kiểm dẫn đến giấy chứng nhận đăng kiểm hết hiệu lực để viện dẫn thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là không phù hợp. Việc S yêu cầu Công ty Q đưa chiếc xe đến trụ sở kiểm tra, chụp hình và đồng ý cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho Công ty

Q là mặc nhiên đồng ý với các thông số kỹ thuật đã được thay đổi so với giấy chứng nhận đăng kiểm. A cho rằng Công ty Q vi phạm cam kết, kê khai không đầy đủ, không chính xác, không đúng sự thật các thông tin được liệt kê trong Giấy yêu cầu bảo hiểm xe cơ giới là không có căn cứ, vì tại giấy yêu cầu cấp bảo hiểm xe (Bút lục 81), không có mục nào yêu cầu người mua bảo hiểm kê khai về thay đổi thông số kỹ thuật xe. Do đó, Công ty Q không vi phạm nghĩa vụ kê khai của người mua bảo hiểm được quy định tại Điều 19 của Luật kinh doanh bảo hiểm. Hơn nữa, nguyên nhân xảy ra tai nạn do Tài xế không chú ý quan sát chứ không phải từ nguyên nhân lốp xe bị thay đổi thông số kỹ thuật. Do đó, khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, A phải có nghĩa vụ chi trả bảo hiểm là phù hợp với quy định tại Điều 15 của Luật kinh doanh bảo hiểm. Công ty Q yêu cầu A phải chi trả 147.771.288 đồng là có căn cứ, phù hợp với Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 050006166/17 ngày 26/7/2017 của S, phù hợp với các Điều 12; 13; 14; 15 và điểm d khoản 1 Điều 18 của Luật kinh doanh bảo hiểm. Bản án sơ thẩm xác định thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và cho rằng lỗi dẫn đến loại trừ trách nhiệm bảo hiểm do cả hai bên, đồng thời chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, buộc A phải chi trả bảo hiểm 74.756.781 đồng, bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Q với số tiền 74.756.781 đồng là chưa khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Q. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm Công ty Q không kháng cáo nên căn cứ Điều 5 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX không có căn cứ để sửa án sơ thẩm.

[2.2] Xét tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu A phải chi trả tiền bảo hiểm 232.292.269 đồng. Ngày 10/6/2019, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu A phải chi trả 232.292.269 đồng xuống còn 149.512.781 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 82.779.448 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn, thấy rằng: Công ty Q yêu cầu A phải chi trả bảo hiểm 147.771.288 đồng là có căn cứ như nhận định đã phân tích tại [2.1] nêu trên. Bản án sơ thẩm chỉ buộc A phải chi trả 74.756.781 đồng là có lợi cho A. Sau khi xét xử sơ thẩm A không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên buộc bị đơn phải chi trả 74.756.781 đồng, đồng thời bác một phần yêu cầu

của nguyên đơn đối với số tiền 74.756.781 đồng. Do đó, các bên đương sự đều phải chịu 3.737.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Bảo hiểm A.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q.

Buộc Tổng Công ty Bảo hiểm A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q số tiền 74.756.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[2.2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q đối với số tiền 74.756.781 đồng (Bảy mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

[2.3] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q đối với số tiền 82.779.448 đồng (Tám mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng Công ty Bảo hiểm A và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q mỗi bên đều phải chịu 3.737.800 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q được khấu trừ vào số tiền 5.807.000 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004885 ngày 21/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Q

2.069.200 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty Bảo hiểm A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005349 ngày 28/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền